

Số: 12/2018/QĐST-HNGĐ

Tuyên Quang, ngày 17 tháng 01 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý 291/2017/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2017, giữa:

* *Nguyên đơn*: Chị **Trần Thị Kim L**, sinh năm 1987

Địa chỉ: Tổ 14, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang.

* *Bị đơn*: Anh **Ma Mạnh T**, sinh năm 1985

Địa chỉ: Tổ H, phường P, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 01 năm 2018

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 01 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị Kim L. và anh Ma Mạnh T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- *Về con chung*: Giao cháu Ma Trần Nam K, sinh ngày 19/10/2015 cho chị Trần Thị Kim L. trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục sau ly hôn. Anh Ma Mạnh T. có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L. mỗi tháng 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng/tháng*) kể từ tháng 01/2018, phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng (mỗi tháng 01 lần) cho đến khi cháu Nam K. đủ 18 tuổi.

Anh T. có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

- *Về tài sản, công nợ chung:* Các đương sự xác định không có tài sản chung, không vay nợ chung, không yêu cầu giải quyết.

- *Về án phí:* Chị Trần Thị Kim L. tự nguyện nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số N^o 0005017 ngày 22/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang. Hoàn trả cho chị L. số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Anh Ma Mạnh T. phải chịu án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang (2 bản);
- Chi cục THADSTP Tuyên Quang (để TH);
- Các đương sự (để TH);
- UBND phường P. (để biết);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Tạ Hồng Chiến